

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG TC "CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG" \f C \l "1"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 138 /QĐ-CDKNII ngày 20 tháng 08 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ II)

Tên nghề	: Dược
Mã nghề	: 6720201
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Bằng cấp sau tốt nghiệp	: Bằng Cao đẳng - Danh hiệu cử nhân thực hành
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp trung học phổ thông.
Thời gian khóa học	: 3 năm (6 học kỳ)

Giới thiệu chương trình/mô tả nghề đào tạo

Dược trình độ cao đẳng là ngành, nghề liên quan tới thuốc và có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe, tính mạng của con người. Các công việc chủ yếu được thực hiện tại các phòng thí nghiệm của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; viện, trung tâm, phòng kiểm nghiệm; các công ty dược, nhà thuốc, quầy thuốc, kho thuốc; bộ phận dược của các cơ sở y tế như bệnh viện các tuyến, trung tâm y tế, trạm y tế, phòng khám chữa bệnh..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Nghề Dược trình độ cao đẳng gồm 5 lĩnh vực: Đảm bảo và kiểm tra chất lượng thuốc; Sản xuất, pha chế thuốc; Bảo quản thuốc; Quản lý và cung ứng thuốc; Dược bệnh viện tương ứng với 10 vị trí việc làm phổ biến. Mỗi vị trí việc làm có phạm vi công việc và nhiệm vụ đặc thù riêng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Ngành Dược đào tạo các dược sĩ trình độ cao đẳng có khả năng: Vận hành các thiết bị trong dây chuyền sản xuất của nhà máy dược phẩm; Giới thiệu các

sản phẩm về dược, phân phối và hướng dẫn sử dụng thuốc; Theo dõi và hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý tại bệnh viện; Sau khi ra trường cũng có khả năng về Tổ chức và quản lý hệ thống dược; Quản lý phòng thí nghiệm, thực hành dược. Những học sinh khá, giỏi có thể học liên thông lên cấp học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Mô tả được nguyên tắc hoạt động của các thiết bị trong dây chuyền sản xuất dược phẩm.

Nêu được công dụng, cách dùng, tác dụng của sản phẩm.

Phân biệt được tác động, hiệu quả trong điều trị.

Nhận biết được trình trạng sức khỏe bệnh nhân.

Phân loại bệnh nhân và theo dõi trong quá trình sử dụng thuốc.

Thông hiểu luật pháp về dược.

Phân biệt được các loại hình cơ sở dược, trình bày được cơ cấu tổ chức và hoạt động chuyên môn của các loại hình cơ sở dược.

Trình bày được tính chất, chức năng và nhiệm vụ của các dụng cụ, thiết bị, máy móc trong các phòng thí nghiệm dược.

2.2.2. Kỹ năng:

Có khả năng vận hành, bảo dưỡng các thiết bị trong dây chuyền sản xuất dược phẩm.

Tư vấn sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Kiểm tra, bảo quản và cung cấp đúng theo yêu cầu.

Xử lý sơ cấp cứu ban đầu trong các trường hợp bất thường khi sử dụng thuốc.

Áp dụng và kiểm tra được việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược trong lĩnh vực quản lý và cung ứng thuốc.

Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị, máy móc trong phòng thí nghiệm dược.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;

Đảm bảo chất lượng;

Bán lẻ thuốc;

Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế;

Thủ kho dược và vật tư y tế;

Kinh doanh dược phẩm;

Sản xuất thuốc;

Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 3180/134 (giờ/tín chỉ)

Số lượng môn học, mô đun: 36

Khối lượng học tập các môn học chung: 435/22 (giờ/tín chỉ)

Khối lượng lý thuyết: 1017 (giờ); Thực hành, thực tập: 2029/(giờ/tín chỉ).

Tổng hợp các năng lực của nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Hành nghề theo quy định của pháp luật
2	NLCB-02	Hành nghề theo quy tắc đạo đức nghề nghiệp
3	NLCB-03	Hành nghề phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế
4	NLCB-04	Học tập suốt đời cho phát triển cá nhân và nghề nghiệp.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
5	NLCL-01	Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất và cung ứng

6	NLCL-02	Bào chế, sản xuất thuốc
7	NLCL - 03	Xây dựng mối quan hệ thân thiện, hợp tác tin tưởng với người bệnh và cộng đồng
8	NLCL-04	Cấp phát, bán, tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả
III	Năng lực nâng cao	
9	NLNC-01	Thực hiện quản lý sử dụng thuốc
10	NLNC-02	Bào chế, sản xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc
11	NLNC-03	Tham gia xây dựng kế hoạch điều trị cho người bệnh

Nội dung chương trình:

Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Thời gian học tập (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	22
601900901	Chính trị	5	75	41	29	5
601900902	Pháp luật	2	30	18	10	2

601900903	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
601900904	Giáo dục quốc phòng	3	75	36	35	3
601900905	Tin học	3	75	15	58	2
601900906	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	115	2745	860	1774	111
II.1	Mô đun cơ sở	37	765	387	344	34
602414907	Xác suất - Thống kê y dược	2	45	13	30	2
602414908	Vật lý đại cương	3	45	43	0	2
602414909	Sinh học và Di truyền	3	45	43	0	2
602414910	Hóa phân tích	3	75	15	57	3
602414911	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	27	60	3
602414912	Hoá sinh	3	45	42	0	3
602414913	Bệnh học	3	60	27	30	3
602414914	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	60	27	30	3
602414815	Tổng hợp hợp chất vô cơ và hợp chất hữu cơ	5	120	60	55	5
602414816	Quan sát và ép các tiêu bản khô trong thực vật dược	5	120	60	55	5

602414817	Tư vấn sử dụng bài thuốc bằng tiếng anh	3	60	30	27	3
II.2	Mô đun chuyên ngành	72	1845	434	1340	71
602414918	Tổ chức và quản lý dược	3	60	27	30	3
602414919	Quản lý tồn trữ thuốc	4	90	26	60	4
602414920	Quản trị kinh doanh và marketing dược	3	60	27	30	3
602414921	Dược lý	5	120	30	85	5
602414922	Dược lâm sàng	4	90	30	56	4
602414823	Bào chế các dạng thuốc lỏng	5	120	30	85	5
602414824	Bào chế các dạng thuốc rắn	5	120	30	85	5
602414825	Tổng hợp và hướng dẫn nhóm thuốc giảm đau, hô hấp, tiêu hóa và vitamin	5	120	30	85	5
602414826	Tổng hợp và hướng dẫn nhóm thuốc tim mạch, hormon, kháng sinh, kí sinh trùng	5	120	30	85	5

602414827	Chiết xuất, định tính và hướng dẫn sử dụng dược liệu chứa Glycosid.	3	75	15	57	3
602414828	Chiết xuất, định tính và hướng dẫn sử dụng dược liệu chứa Carbonhydrat, alcaloid và tinh dầu.	5	120	30	85	5
602414829	Kiểm nghiệm các dạng thuốc	5	120	30	85	5
602414830	Bào chế và hướng dẫn bài thuốc trong dược học cổ truyền	4	90	30	56	4
602414831	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	3	60	27	30	3
602414832	Xây dựng, quản lý và điều hành cơ sở bán lẻ (nhà thuốc – quầy thuốc)	3	60	27	30	3
602414833	Thực tập tốt nghiệp	10	420	15	396	9
II.3	Thực tập tại cơ sở, đồ án, khóa luận tốt nghiệp	6	135	39	90	6

	(Chọn 1 trong 3 tổ hợp để thay thế đề án tốt nghệ)					
602414934	Vitamin – Khoáng chất – Thực phẩm chức năng (Tổ hợp 1)	2	45	13	30	2
602414935	Phát triển thuốc có nguồn gốc dược liệu (Tổ hợp 2)	2	45	13	30	2
602414936	Dược lâm sàng nâng cao (Tổ hợp 3)	2	45	13	30	2
602414937	Phân tích và quản lý tương tác thuốc (Tổ hợp 3)	2	45	13	30	2
602414938	Phối hợp sản xuất Vitamin – Khoáng chất – Thực phẩm chức năng. (Tổ hợp 1)	2	45	13	30	2
602414939	Phối hợp phương pháp bào chế thuốc có nguồn gốc dược liệu (Tổ hợp 2)	2	45	13	30	2

602414840	Thực tập quản lý nhà thuốc nâng cao (Tổ hợp 2)	2	45	13	30	2
602414841	Thực tập lâm sàng tại bệnh viện nâng cao (Tổ hợp 3)	2	45	13	30	2
602414842	Thực tập sản xuất dược nâng cao (Tổ hợp 1)	2	45	13	30	2
602414843	Đồ án Tốt nghiệp	6	240	15	225	
	Tổng cộng	134	3180	1017	2029	133

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc;

Các môn học chung được thực hiện theo quy định hiện hành. Hình thức giảng dạy các môn học giáo dục chính trị, pháp luật, tin học được áp dụng đào tạo hình thức kết hợp trực tuyến - trực tiếp hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến, gồm:

- Giáo dục chính trị - theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.
- Pháp luật - theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Giáo dục thể chất - theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Giáo dục quốc phòng và an ninh - theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Tin học - theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Tiếng anh - theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa;

Căn cứ vào điều kiện cụ thể tổ chức hoạt động ngoại khóa, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo từng mô đun phù hợp với nội dung đào tạo vào các học kỳ hoặc từng sự kiện trong năm của nhà trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Các hoạt động thể dục, thể thao.	Ngoài giờ học lý thuyết, thực hành và thực tập.
2	Văn hoá, văn nghệ. Qua các phương tiện thông tin đại chúng và sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày. Trong các sự kiện của Nhà trường như: Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, các giải cấp trường, ...
3	Hoạt động thư viện. Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần.
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể.	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật hoặc vào các dịp lễ, đặc biệt của Đoàn, Đảng, Nhà Trường.
5	Đề giáo dục truyền thống dân tộc, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội Trường tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách	Mỗi học kỳ.

	mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.	
6	Đề học sinh, sinh viên có nhận thức đủ về nghề nghiệp đang theo học, Khoa/Trường tổ chức bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất.	Mỗi học kỳ hoặc theo nội dung từng môn học và điều kiện cụ thể.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun;

7.3.1. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ môn học, mô đun;

- Do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức tự luận, viết, vấn đáp, tiểu luận, thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;
- Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và được Hiệu trưởng quyết định;
- Mỗi một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. **Môn học lý thuyết 15 tiết/1 điểm kiểm tra; Môn học thực hành hoặc tích hợp từ 30-45 tiết/1 điểm kiểm tra.** Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

7.3.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun;

- Đề thi kết thúc môn được bộ phận khảo thí in ấn, nhân bản đảm bảo số lượng cho người học dự kiểm tra kết thúc môn học (theo mã đề đã được xác định).
- Trước giờ kiểm tra kết thúc môn học giảng viên/giáo viên coi thi kết thúc môn nhận đề thi kết thúc môn tại bộ phận khảo thí và tiến hành các thủ tục thi kết thúc môn học theo quy định.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy định trong tiến độ đào tạo đã phê duyệt theo từng năm học;
- Trước khi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, giáo viên bộ môn phải nhập điểm trên phần mềm đào tạo đủ số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên;
- Sau khi kết thúc môn học/mô đun 01 tuần, giảng viên/giáo viên giảng dạy phải hoàn tất nhập điểm trên phần mềm và nộp kết quả điểm về phòng đào tạo.

7.4. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo nghề đã đăng ký học tập và các điều kiện hoàn thành học phí, hồ sơ đầu vào, điểm rèn luyện học tập của khóa học.
- Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học tập các môn học, mô đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình đào tạo cao đẳng đăng ký học tập, không bao gồm thời gian bảo lưu.
- Người học được chọn hai hình thức dự thi tốt nghiệp hoặc làm đề án tốt nghiệp.
- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết chuyên môn; Thực hành.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết, trắc nghiệm	Không quá 180 phút.
2	Thực hành	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ.

- Nội dung thực hiện đề án tốt nghiệp: Được thực hiện dưới sự hướng dẫn của Giảng viên và trong thời gian thực tập tốt nghiệp. Thời gian 240 giờ/6 tín chỉ tương đương khoảng 6 tuần.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp hoặc kết quả bảo vệ khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định của trường.

7.5. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ;

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo nghề đã đăng ký học tập và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
- Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học tập các môn học, mô đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp bảo đảm không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình đào tạo cao đẳng đăng ký học tập, không bao gồm thời gian bảo lưu.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định.

7.6. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến;

- Đào tạo trực tuyến là hình thức dạy học cho phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên môi trường internet để thay thế việc dạy học trực tiếp tại các địa điểm đào tạo của nhà trường.
- Thời gian giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến được thực hiện linh hoạt tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của từng trường, do hiệu trưởng quyết định.

8. Tài liệu tham khảo:

- Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 về Quy định qui trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 về Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội qui định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;
- Thông tư 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/06/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội;
- Quyết định số 73/QĐ-CĐKNII ngày 04/06/2024 Ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng./.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Văn Hưng